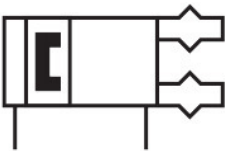
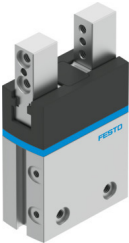


# Xy lanh kẹp loại song song DHPS-16-A

Số bộ phận: 1254043

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                                                                                                     |
|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Kích thước                                                 | 16                                                                                                                                          |
| Hành trình trên mỗi hàm kẹp                                | 5 mm                                                                                                                                        |
| Độ chính xác trao đổi tối đa                               | 0.2 mm                                                                                                                                      |
| Bộ gấp tối đa hàm góc chơi rù, ay                          | 0.5 °                                                                                                                                       |
| Khe chấu kẹp tối đa Sz                                     | 0.02 mm                                                                                                                                     |
| đối xứng quay                                              | 0.2 mm                                                                                                                                      |
| Độ chính xác lắp lại kẹp                                   | 0.02 mm                                                                                                                                     |
| Số chấu kẹp                                                | 2                                                                                                                                           |
| Vị trí lắp đặt                                             | bất kì                                                                                                                                      |
| Nguyên tắc vận hành                                        | tác động kép                                                                                                                                |
| Chức năng kẹp                                              | Song song                                                                                                                                   |
| Cấu trúc xây dựng                                          | Cần điều khiển<br>chuỗi chuyển động cưỡng bức                                                                                               |
| Dẫn hướng                                                  | Thanh dẫn hướng trượt                                                                                                                       |
| Phát hiện vị trí                                           | cho các công tắc gần                                                                                                                        |
| Áp suất vận hành                                           | 0.2 MPA...0.8 MPA<br>2 bar...8 bar<br>29 psi...116 psi                                                                                      |
| Tần số làm việc tối đa của kẹp                             | 3 Hz                                                                                                                                        |
| Thời gian mở tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)           | 33 ms                                                                                                                                       |
| Thời gian đóng tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)         | 41 ms                                                                                                                                       |
| Khối lượng tối đa trên mỗi ngón tay kẹp bên ngoài          | 150 g                                                                                                                                       |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                                                                                                        |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                      | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)                                                                               |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                       | 1 - ứng suất ăn mòn thấp                                                                                                                    |
| Tuân thủ LABS                                              | VDMA24364-B2-L                                                                                                                              |
| Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion                        | Các kim loại có hơn 5% trọng lượng đồng không được phép sử dụng. Các trường hợp ngoại lệ là bo mạch, đường dây, bộ kết nối điện và cuộn dây |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                             | 5 °C...60 °C                                                                                                                                |
| Mở tổng lực kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)              | 210 N                                                                                                                                       |
| Đóng tổng lực kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)            | 190 N                                                                                                                                       |
| Mở lực kẹp trên mỗi chấu kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi) | 105 N                                                                                                                                       |

| Đặc tính                                                     | Giá trị                                                                     |
|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| Đóng lực kẹp trên mỗi chấu kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi) | 96 N                                                                        |
| Mô-men quán tính khối lượng                                  | 0.465 kgcm <sup>2</sup>                                                     |
| Lực tối đa trên hàm kẹp Fz tĩnh                              | 150 N                                                                       |
| Thời điểm tối đa tại thời điểm nắm chặt hàm Mx tĩnh          | 8 N m                                                                       |
| Mô-men tối đa trên các hàm kẹp My tĩnh                       | 8 N m                                                                       |
| Mô-men tối đa trên các hàm kẹp Mz tĩnh                       | 8 N m                                                                       |
| Khoảng thời gian bôi trơn các phần tử dẫn hướng              | 10 triệu lượt                                                               |
| trọng lượng sản phẩm                                         | 184 g                                                                       |
| Kiểu gắn                                                     | với ren trong và vòng măng xông<br>với lỗ xuyên và vòng măng sông<br>tùy ý: |
| Cổng nối khí nén                                             | M3                                                                          |
| Ghi chú vật liệu                                             | Tuân thủ RoHS                                                               |
| Vật liệu nắp che                                             | PA                                                                          |
| Vật liệu vỏ                                                  | Hợp kim nhôm rèn, hóa anốt cứng                                             |
| Hàm kẹp vật liệu                                             | thép hợp kim không gỉ                                                       |